

Bản án số: 283/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2023

V/v ly hôn Nữ – Hoà

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Sức

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 182/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Trinh N, sinh năm 1996 nơi cư trú: Số A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Nơi ở hiện nay: Số B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc C – Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Đức H, sinh năm 1990 nơi cư trú: Số F, tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo khởi kiện ngày 14/02/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trinh N trình bày: Chị và anh Lê Đức H qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20 tháng 3 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2019 thì thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống mặc dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 07 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị xin ly hôn anh H.

Chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Hải Đ, sinh ngày 28/7/2019, hiện nay con chung đang sống cùng chị N. Chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Đức H có ý kiến trình bày:* Anh và chị N tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, anh và chị N chung sống hạnh phúc với gia đình anh tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Đến tháng 11 năm 2021 chị N sang C kinh doanh cùng cha mẹ vợ, trong quá trình đi làm chị N đi về thăm anh H và con thường xuyên. Đến tháng tháng 01 năm 2023 đến nay chị N không còn trở về nhà, anh H có tìm gặp nhiều lần nhưng không được. Nay chị N nộp đơn xin ly hôn anh H không đồng ý ly hôn.

Anh H và chị N có 01 con chung tên Lê Hải Đ, sinh ngày 28/7/2019, hiện nay con chung đang sống cùng chị N. Nếu ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và chị N không có tài sản chung, nợ chung.

*Tại phiên tòa,* chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn; chị N thường xuyên đi qua biên giới làm ăn, không có thời gian trông giữ con, gia đình bên vợ có môi trường xã hội phức tạp, không tốt nếu giao con cho chị N nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến đạo đức của con; do đó anh có công ăn việc làm ổn định, có thời gian chăm sóc con, nếu Tòa án chấp nhận ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Huỳnh Thị Trinh N ly hôn anh Lê Đức H, con chung giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu, cho chị Huỳnh Thị Trinh N được ly hôn anh Lê Đức H. Chị N và anh H có 01 con chung, giao chị N được tiếp tục nuôi con chung. Chị N không yêu cầu nên không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị N và anh H không có tài sản chung nợ chung nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị N và anh H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Chị N cho rằng vợ chồng sống chung với gia đình chồng nhưng chị và mẹ chồng không hợp nhau, anh H không bảo vệ chị khi có xảy ra mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng, chị và anh H bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N và anh H ly thân từ tháng 07 năm 2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn anh H.

Qua xác minh, thì địa phương cho biết: Anh H có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh H, địa phương không biết.

Chị N và anh H là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Chị N và anh H chung sống với nhau đến năm 2021 thì chị N về nhà cha mẹ ruột làm ăn mua bán, còn anh H thì vẫn sống chung cha mẹ ruột. Thời gian đầu, chị N thường hay về thăm chồng con, đến năm 2022 thì một hai tháng mới về. Tại phiên tòa, cả hai đều đổ lỗi cho nhau về việc vợ chồng không còn chung với nhau. Chị N cho rằng chị và mẹ chồng không hợp nhau, anh H không có chí tiến thủ, không cùng chị ra ngoài làm ăn. Còn anh H cho rằng chị N thường xuyên qua Campuchia, đã có tính cảm người khác nên muốn ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy giữa chị N và anh H không có tiến nói chung, cả hai ly thân ly thân hơn 06 tháng nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị N ly hôn với anh H.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Hải Đ, sinh ngày 28/7/2019, chị N đang nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân từ đầu năm 2023 đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con, cả chị N và anh H đều có công ăn việc làm, đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên cháu Đ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, để ổn định cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị N tiếp

tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trinh N.

Chị Huỳnh Thị Trinh N được ly hôn anh Lê Đức H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2018 ngày ngày 20 tháng 3 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp cho chị N và anh H không còn giá trị pháp lý.

Chị N và anh H có 01 con chung tên Lê Hải Đ, sinh ngày 28/7/2019 đang sống với chị N. Giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh H đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Chị N và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005920 ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị N không còn phải nộp thêm án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thế Văn**